

My name is: _____

WORKSHEET

FFs1 – UNIT 7.4

Teacher's feedbacks

Task 1 : Rearrange the words below.

(Con sắp xếp lại các từ bên dưới cho đúng nhé.)



P/A/C



T/N/A/K/-T/P/O



R/A/N/I/O/A/T/C



L/G/O/V/S/E



S/N/U/G/A/L/S/S/E/S



O/B/O/T



S/O/H/R/S/T



J/A/K/C/E/T



W/T/A/C/H



E/A/N/J/S



H/G/A/N/D/B/A



K/O/C/S/S



T/H/A



G/A/L/S/S/E/S

Task 2: Listen, fill in the blanks: Con nghe và điền vào chỗ trống nhé.

T-shirt

shoes

skirt

pants

hat

shoes

jumper



This is Mia.

She is wearing a blue (1) _____,
a red (2) _____ and brown (3)
_____. She likes oranges and
bananas.



This is Andy.

He is wearing red gloves, brown (4)
_____, black (5) _____, a yellow
and orange (6) _____, blue and
purple (7) _____.

Task 3: Look and write “This/ That/ These/Those”

(Con nhìn và viết “This/That/ These/Those” nhé)

1. _____ are blouses.  
2. _____ is a jacket.  
3. _____ is a dress.  
4. _____ are skirts.  
5. _____ are t-shirts.  
6. _____ is a cap.  
7. _____ is a sweater.  
8. _____ are shorts.  
9. _____ is a shirt.  
10. _____ are hats.  